

Số: 79/2025/QĐST-DS

An Giang, ngày 19 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 11 tháng 12 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 196/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2025,

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ1 (S); địa chỉ trụ sở: A T, phường H, thành phố Hà Nội.

Đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP Đ1 (S):

- Ông Lê Văn T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị, là người đại diện theo pháp luật.

- Ông Trần Quốc H, chức vụ: Giám đốc XLN Địa bàn M; ông Nguyễn Hồ K, chức vụ: CVC XLN Địa bàn M; ông Lê Duy Q, chức vụ: CV XLN Địa bàn miền N, là người đại diện theo ủy quyền theo giấy ủy quyền số 0207.2/2025/UQ-SeABank ngày 02-7-2025; địa chỉ liên lạc: số A T, phường L, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Nguyễn Ngọc Lan Đ, sinh năm 1984; căn cước công dân số: 089184020000.

2.2. Ông Nguyễn Vĩnh K1, sinh năm 1982; căn cước công dân số: 087082011586.

Cùng địa chỉ: B Đường K nối dài, khóm Đ, phường L, tỉnh An Giang.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về trách nhiệm trả nợ:

Ông Nguyễn Vĩnh K1, bà Nguyễn Ngọc Lan Đ có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ1 (S) tổng số tiền là 4.377.723.823 đồng (Bốn tỷ, ba trăm

bảy mươi bảy triệu, bảy trăm hai mươi ba nghìn, tám trăm hai mươi ba đồng), trong đó: nợ gốc 3.827.830.910 đồng (Ba tỷ, tám trăm hai mươi bảy triệu, tám trăm ba mươi nghìn, chín trăm mười đồng), nợ lãi trong hạn là 425.433.052 đồng (Bốn trăm hai mươi lăm triệu, bốn trăm ba mươi ba nghìn, không trăm năm mươi hai đồng), nợ lãi quá hạn là 124.459.861 đồng (Một trăm hai mươi bốn triệu, bốn trăm năm mươi chín nghìn, tám trăm sáu mươi một đồng) tính đến hết ngày 11-12-2025; cụ thể:

- Số tiền phải trả theo hợp đồng tín dụng số REF2227900441/HDTD/AG1-NNLD ngày 05-12-2022 tổng cộng là 4.066.275.810 đồng (Bốn tỷ, không trăm sáu mươi sáu triệu, hai trăm bảy mươi lăm nghìn, tám trăm mười đồng), gồm: tiền nợ gốc 3.624.861.510 đồng (Ba tỷ, sáu trăm hai mươi bốn triệu, tám trăm sáu mươi một nghìn, năm trăm mười đồng), nợ lãi trong hạn 423.119.002 đồng (Bốn trăm hai mươi ba triệu, một trăm mười chín nghìn, không trăm lẻ hai đồng), nợ lãi quá hạn 18.295.298 đồng (Mười tám triệu, hai trăm chín mươi lăm nghìn, hai trăm chín mươi tám đồng).

- Số tiền phải trả theo đơn đăng ký kiêm hợp đồng cho vay thấu chi không có tài sản bảo đảm online dành cho khách hàng cá nhân ngày 06-9-2024 tổng cộng là 44.229.268 đồng (Bốn mươi bốn triệu, hai trăm hai mươi chín triệu, hai trăm sáu mươi tám đồng), gồm: tiền nợ gốc 36.300.000 đồng (Ba mươi sáu triệu, ba trăm nghìn đồng), nợ lãi trong hạn 2.314.050 đồng (Hai triệu, ba trăm mười bốn nghìn, không trăm năm mươi đồng), nợ lãi quá hạn 5.615.218 đồng (Năm triệu, sáu trăm mười lăm nghìn, hai trăm mười tám đồng).

- Số tiền phải trả theo đơn đề nghị vay vốn và đề nghị kiêm hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ngày 14-9-2022 tổng cộng là 162.057.487 đồng (Một trăm sáu mươi hai triệu, không trăm năm mươi bảy nghìn, bốn trăm tám mươi bảy đồng), gồm: tiền nợ gốc 95.000.000 đồng (Chín mươi lăm triệu đồng), nợ lãi trong hạn 0 đồng, nợ lãi quá hạn 67.057.487 đồng (Sáu mươi bảy triệu, không trăm năm mươi bảy nghìn, bốn trăm tám mươi bảy đồng).

- Số tiền phải trả theo đơn đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng kiêm hợp đồng hạn mức tín dụng ngày 15-12-2022 tổng cộng là 105.161.258 đồng (Một trăm lẻ năm triệu, một trăm sáu mươi một nghìn, hai trăm năm mươi tám đồng), gồm: tiền nợ gốc 71.669.400 đồng (Bảy mươi một triệu, sáu trăm sáu mươi chín nghìn, bốn trăm đồng), nợ lãi trong hạn 0 đồng, nợ lãi quá hạn 33.491.858 đồng (Ba mươi ba triệu, bốn trăm chín mươi một nghìn, tám trăm năm mươi tám đồng).

Phương thức và thời gian thanh toán số tiền trên được thực hiện trong giai đoạn thi hành án sẽ được xem xét tại giai đoạn thi hành án.

Kể từ ngày 12-12-2025 cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Vĩnh K1, bà Nguyễn Ngọc Lan Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn, lãi phát sinh của số tiền nợ chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số REF2227900441/HDTD/AG1-NNLD ngày 05-12-2022; đơn đăng ký kiêm hợp đồng cho vay thấu chi không có tài sản bảo đảm online dành cho

khách hàng cá nhân ngày 06-9-2024; đơn đề nghị vay vốn và đề nghị kiêm hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ngày 14-9-2022; đơn đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng kiêm hợp đồng hạn mức tín dụng ngày 15-12-2022 đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng số REF2227900441/HDTD/AG1-NNLD ngày 05-12-2022; đơn đăng ký kiêm hợp đồng cho vay thấu chi không có tài sản bảo đảm online dành cho khách hàng cá nhân ngày 06-9-2024; đơn đề nghị vay vốn và đề nghị kiêm hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ngày 14-9-2022; đơn đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng kiêm hợp đồng hạn mức tín dụng ngày 15-12-2022, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

2.2. Trường hợp ông Nguyễn Vĩnh K1, bà Nguyễn Ngọc Lan Đ không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ nêu trên thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: REF2227900441/HDTC/AG1-NNLD/1 ngày 05-12-2022 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 - Chi nhánh A với bà Nguyễn Ngọc Lan Đ để thu hồi nợ là:

2.2.1. Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 255m², thửa đất số 167, tờ bản đồ số 81, tọa lạc phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (nay là phường L, tỉnh An Giang) đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CS17161 ngày 29-7-2021 cho bà Nguyễn Ngọc Lan Đ đứng tên;

2.2.2. Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 107,7m², thửa đất số 314, tờ bản đồ số 38, tọa lạc phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (nay là phường L, tỉnh An Giang) đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CS17114 ngày 20-7-2021, cập nhật nội dung thay đổi ngày 17-8-2021 cho bà Nguyễn Ngọc Lan Đ đứng tên;

2.2.3. Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 217m², thửa đất số 310, tờ bản đồ số 38, tọa lạc phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (nay là phường L, tỉnh An Giang) đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CS17174 ngày 16-8-2021 cho bà Nguyễn Ngọc Lan Đ đứng tên.

2.3. Sau khi ông Nguyễn Vĩnh K1, bà Nguyễn Ngọc Lan Đ thanh toán xong toàn bộ số nợ vốn và lãi nêu trên cho Ngân hàng TMCP Đ1 (S) thì Ngân hàng TMCP Đ1 (S) có trách nhiệm trả lại cho ông Nguyễn Vĩnh K1, bà Nguyễn Ngọc L Đình bản chính: giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CS17161 ngày 29-7-2021 cho bà Nguyễn Ngọc Lan

Đ; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CS17114 ngày 20-7-2021, cập nhật nội dung thay đổi ngày 17-8-2021 cho bà Nguyễn Ngọc Lan Đ; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CS17174 ngày 16-8-2021 cho bà Nguyễn Ngọc Lan Đ.

Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho S thì ông Nguyễn Vĩnh K1, bà Nguyễn Ngọc Lan Đ vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho S cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

2.4. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Vĩnh K1, bà Nguyễn Ngọc Lan Đ có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu, năm trăm nghìn đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nguyên đơn đã nộp tạm ứng.

2.5. Về án phí dân sự:

Ông Nguyễn Vĩnh K1, bà Nguyễn Ngọc Lan Đ tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm là 56.188.862 đồng (Năm mươi sáu triệu, một trăm tám mươi tám nghìn, tám trăm sáu mươi hai đồng).

Ngân hàng TMCP Đ1 (S) không phải chịu án phí sơ thẩm; hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ1 (S) số tiền 56.051.000 đồng (Năm mươi sáu triệu, không trăm năm mươi một đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0005055, ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 9 - An Giang;
- Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;
- Đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phí Thị Phương Nhung